

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:325/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lợi

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm Rng khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Tạ Thị Thùy T**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

- Bị đơn: **Trần Sis Sin R**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tạ Thị Thùy T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh R quen nhau vào năm 2009 và tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh R không lo làm ăn, thường xuyên

cờ bạc (đá gà ăn tiền), vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau và đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Trong thời gian sống chung chị cũng đã bỏ đi nhiều lần, được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

- Về con chung: Có một con chung tên Trần Quốc K (Sinh ngày 02/9/2011) hiện do chị nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Sic Sin R có ý kiến trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian quen nhau, cưới nhau, ly thân. Anh thừa nhận có chơi đá gà ăn tiền, lúc đầu vợ có khuyên can nên anh có ngưng chơi. Sau đó do chị T không nói nên anh có tiếp tục chơi đá gà. Anh thừa nhận có đánh vợ 2-3 lần, nguyên nhân do chị T hỗn láo với gia đình anh. Trong quá trình mâu thuẫn gia đình có hòa giải nhiều lần nên đoàn tụ, nay anh mong muốn được đoàn tụ.

Hiện anh làm nghề thợ hồ, thu nhập không thường xuyên. Vì vậy nếu Tòa cho ly hôn đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng nhưng anh không cấp dưỡng.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; nguyên đơn, bị đơn: thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.*

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh R; giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị T thì xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh R có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh R.

[2] Về hôn nhân:

Theo chị T khai nhận: Chị T và anh Sin R quen nhau vào năm 2009 và tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B. Thời gian đầu sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh R không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc (đá gà ăn tiền), vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh nhau và đã sống ly thân từ tháng 12/2017 đến nay. Trong thời gian sống chung chị cũng đã bỏ đi nhiều lần, được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được.

Lời khai nhận của chị T là có cơ sở, vì được anh R thừa nhận và phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng chị T và anh R có xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh R là người gây ra lỗi chính, cụ thể là có hành vi đánh bạc, không lo vợ con, có hành vi bạo hành vợ. Vì vậy đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa anh chị là đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, cần cho chị T ly hôn với anh R.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Trần Quốc K (Sinh ngày 02/9/2011) hiện do chị T nuôi dưỡng, theo kết quả thu thập chứng cứ thì chị T đủ điều kiện chăm sóc cháu K hơn anh R, và anh R cũng đồng giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị T, giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị T yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 800.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng này là không cao, phù hợp với mức thu nhập của anh R. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu này của chị T, buộc anh R cấp dưỡng nuôi con chung với mức 800.000 đồng/tháng.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh R không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng không xem xét trong vụ kiện này.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh R phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Tạ Thị Thùy T được ly hôn với anh Trần Sis Sin R.

2. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc K (Sinh ngày 02/9/2011).

Anh R được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh R không thực hiện cấp dưỡng khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh R còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 26983 ngày 16/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh R phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh R được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THADS huyện
Châu Thành;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn

